TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẮK GLONG** TỈNH ĐẮK NÔNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2019/HNGĐ-ST
Ngày 01-10-2019
V/v tranh chấp về ly hôn và nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK GLONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông Võ Văn Vinh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Võ Văn Việt và ông Lý Văn Hòe.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nông Đình Chiến – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đắk Glong.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Glong tham gia phiên toà: Bà Cao Thị Thu Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đắk Glong, tỉnh Đắk Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 32/2019/TLST-HNGĐ ngày 29-3-2019 về "Tranh chấp hôn nhân và gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2019/QĐXX-ST ngày 21-8-2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2019/QĐS5T-HNGĐ, ngày 12-9-2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Huỳnh Thị Tuyết N, sinh năm 1990; có mặt.

2. Bị đơn: Anh Võ T, sinh năm 1979; vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Bon R, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Huỳnh Thị Tuyết N trình bày: Chị và anh Võ T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 16-01-2009 tại Uỷ ban nhân dân xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, cuộc sống chung hạnh phúc. Năm 2011, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do anh T bạo lực gia đình, tình cảm vợ chồng không còn, nên chị yêu cầu: Về quan hệ hôn nhân: Xin được ly hôn với anh T; về con chung: Chị N và anh T có 02 con chung là Võ Thị Tuyết D, sinh ngày 26-2-2009 và Võ Minh S, sinh ngày 25-4-2012 hiện đang ở với chị, khi ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp nuôi

02 con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn: Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là anh Võ T không chấp hành giấy triệu tập của Tòa án để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Tại bản khai, cháu D và S đều trình bày: Nguyện vọng của 02 cháu được mẹ trực tiếp nuôi dưỡng.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; bị đơn vắng mặt không lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Glong tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến với các nội dung:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử là đúng quy định của pháp luật; việc chấp hành pháp luật từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa của nguyên đơn là đúng, bị đơn chấp hành chưa đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; về quan hệ hôn nhân: Chị N được ly hôn với anh T; về con chung: Giao hai con chung Võ Thị Tuyết D sinh ngày 26-2-2009 và Võ Minh S, sinh ngày 25-4-2012 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng; về cấp dưỡng nuôi con: Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu nên không đề cập.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thẩm quyền giải quyết vụ án và quan hệ pháp luật tranh chấp*: Chị Huỳnh Thị Tuyết N yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề ly hôn và nuôi con với anh Võ T; chị N và anh T có đăng ký kết hôn hợp pháp nên quan hệ pháp luật là *"Tranh chấp về ly hôn và nuôi con"*; anh T có hộ khẩu thường trú tại bon R, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đắk Glong theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Xét yêu cầu của nguyên đơn Huỳnh Thị Tuyết N, thấy rằng:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị Huỳnh Thị Tuyết N và anh Võ T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc, đăng ký kết hôn ngày 16-01-2009 tại Uỷ ban nhân dân xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk là có thật. Do anh T bạo lực gia đình, không quan tâm, chăm sóc vợ, con. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh T đã

được triệu tập hợp lệ để tham gia giải quyết yêu cầu khởi kiện của chị N nhưng anh T không tham gia, điều này thể hiện cuộc sống hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Huỳnh Thị Tuyết N là phù hợp với khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Chị N và anh T có hai con chung là cháu Võ Thị Tuyết D, sinh ngày 26-2-2009 và Võ Minh S, sinh ngày 25-4-2012, hiện đang ở với chị N; cả 02 con chung đều có nguyện vọng được mẹ trực tiếp nuôi dưỡng; anh T không tham gia tố tụng nên cần giao 02 con chung cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp; về cấp dưỡng: Chị N không yêu cầu nên anh T không phải cấp dưỡng nuôi con. Chị N không được cản trở quyền, nghĩa vụ thăm nom con của anh T.

Về tài sản chung: Chị Huỳnh Thị Tuyết N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập.

[3] *Về án phí:* Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 85 của Luật Hôn nhân và gia đình; căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Huỳnh Thị Tuyết N.

1.1 Vệ quan hệ hôn nhân: Chị Huỳnh Thị Tuyết N được ly hôn anh Võ T.

1.2 Về con chung: Giao 02 con chung là Võ Thị Tuyết D, sinh ngày 26-2-2009 và Võ Minh S, sinh ngày 25-4-2012 cho chị Huỳnh Thị Tuyết N trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom con; không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này. Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom, để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

1.3 Về cấp dưỡng: Anh Võ T không phải cấp dưỡng nuôi con.

2. Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa

án, buộc chị Huỳnh Thị Tuyết N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị N đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003901, ngày 29-3-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ; chị Ng đã nộp xong án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk Glong;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- UBND xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lăk (để vào sổ Hộ tịch);
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký và đóng dấu)

Võ Văn Vinh